

NGHIÊN CỨU

ĐẶC ĐIỂM NGỮ PHÁP CỦA TỔ HỢP V+N TRONG TIẾNG HÁN (ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG VIỆT)

Nguyễn Hoàng Anh*

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,

Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 01 tháng 12 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 12 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 03 tháng 01 năm 2017

Tóm tắt: Tổ hợp động từ kết hợp với danh từ (tổ hợp V+N) trong tiếng Hán có cấu trúc nội tại phong phú, độ ngưng kết và chức năng ngữ pháp của nó có quan hệ mật thiết đến cấu trúc âm tiết của tổ hợp. Thông qua khảo sát ngữ liệu, bài viết miêu tả cấu trúc nội tại, độ ngưng kết và chức năng của tổ hợp V+N tiếng Hán trong mối liên hệ với cấu trúc âm tiết của nó. Trên cơ sở đó, bài viết đối chiếu với tiếng Việt để tìm ra những điểm khác biệt bên cạnh những điểm tương đồng giữa hai ngôn ngữ cùng loại hình ngôn ngữ đơn lập ở địa hạt tổ hợp V+N này.

Từ khoá: tổ hợp V+N, đặc điểm ngữ pháp, đối chiếu Hán Việt

1. Đặt vấn đề

Theo tổng kết của phần lớn các học giả đi trước như Guo Rui (郭锐), Huang Borong (黄伯荣) và Zhang Bin (张斌), Qi Huyang (齐沪扬) và khảo sát thực tế chúng tôi nhận thấy, tổ hợp động từ kết hợp với danh từ (sau viết tắt là “tổ hợp V+N”) trong tiếng Hán chủ yếu là các loại hình tổ hợp sau: (1) Tổ hợp V+N có cấu trúc “động - tân” (động từ và tân ngữ); (2) Tổ hợp V+N có cấu trúc “định - trung” (định ngữ và trung tâm ngữ); (3) Tổ hợp V+N với hai cấu trúc “động - tân” và “định - trung”. Trong đó, cấu trúc âm tiết có ảnh hưởng nhất định đến đặc điểm ngữ pháp của tổ hợp này. Sau đây chúng tôi căn cứ vào tài liệu khảo sát, phân tích độ ngưng kết và chức năng ngữ pháp của các loại hình tổ hợp V+N nói trên trong mối liên hệ với cấu trúc âm tiết tiếng Hán, đồng thời tiến hành đối chiếu với tiếng Việt.

2. Tổ hợp V+N có cấu trúc “động - tân”

Quan sát các ngữ liệu khảo sát sau:

(a1) 走路/吃饭/开花/写字/熬夜/拔脚/拔腿/把脉/拜年/搬家/帮厨/帮冬/帮腔/包金/包月/保温/报案/报仇/报国/报名/报警/报幕/报时/报数/报账

(a2) 写文章/读课文/买东西/

(a3) 吃糯米饭/看展销会/学太极拳/摆龙门阵/吃闭门羹

(a4) 喜欢钱/修理车/等待你

(a5) 研究语言/成立公司/购买汽车/欢迎客人/选举厂长

(a6) 安设窃听器/包装工艺品/翻译文言文/描写总统府

Xét từ góc độ ngữ âm chúng tôi nhận thấy, trong tiếng Hán động từ và danh từ có cả đơn âm tiết, song âm tiết. Riêng danh từ có cả ba âm tiết nhưng chiếm tỉ trọng không cao trong tổng số danh từ tiếng Hán. Trong đó các kết hợp “động - tân” V+N có cấu trúc âm tiết

* ĐT.: 84-904124842, Email: habvn@yahoo.com

thường gặp là “1+1” (nhóm ví dụ a1), “1+2” (nhóm ví dụ a2), “1+3” (nhóm ví dụ a3), “2+2” (nhóm ví dụ a5) và “2+3” (nhóm ví dụ a6). Các tổ hợp “động – tân” V+N mà trong đó có cấu tạo âm tiết là “2+1” (nhóm ví dụ a4) rất ít, khi đó âm tiết thứ hai của động từ trong tổ hợp này lại thường phải là thanh nhẹ, hoặc tân ngữ thường phải là đại từ. Hay nói cách khác, nếu tân ngữ của động từ song âm tiết là một danh từ đơn âm tiết thì trước danh từ đó thường phải có định ngữ để cả thành phần tân ngữ của động từ có thuộc tính đa âm tiết. Sở dĩ có hiện tượng như trên, theo chúng tôi có sự can dự của yếu tố ngữ âm. Nhà ngôn ngữ học Feng Shengli (冯胜利) cho rằng sự kết hợp giữa các đơn vị ngôn ngữ trong tiếng Hán chịu ảnh hưởng nhất định của “bước âm” (音步), điều đó có nghĩa “trong tiếng Hán có sự tồn tại của bước âm tự nhiên” [冯胜利, 2005: 4]. Feng Shengli còn chứng minh “bước âm” nhỏ nhất trong tiếng Hán là bước âm song âm tiết, một âm tiết không tạo ra “bước âm”, ba âm tiết được gọi là “siêu bước âm”. Từ đó Feng Shengli đã đưa ra lí luận về “tự âm luật”, theo đó trong tiếng Hán các đơn vị ngôn ngữ khi kết hợp với nhau sẽ tạo ra một đơn vị mới, đơn vị đó có thể là từ hoặc ngữ. Nếu là sự kết hợp “bước âm thuận chiều”, tức theo chiều từ trái sang phải “xx/xx/x” sẽ tạo ra từ, ví dụ: 造纸厂/展览馆. Ngược lại, nếu là sự kết hợp “bước âm nghịch chiều”, tức theo chiều từ phải qua trái “x/xx/xx” sẽ tạo ra ngữ, ví dụ: 开玩笑/写文章/小雨伞 [冯胜利, 2005: 6]. Tổ hợp “động – tân” V+N đang bàn ở trên thuộc tổ hợp li tâm, là tổ hợp có định hướng “ngữ”, chính vì vậy theo lí luận về “tự âm luật” của Feng Shengli sẽ khó có cụm từ có kiểu kết hợp bước âm thuận chiều “xx/x”, tức động từ song âm tiết hiếm khi trực tiếp kết hợp với danh từ tân ngữ đơn âm tiết tạo ra tổ hợp V+N có cấu trúc “động - tân”.

Xét về độ ngưng kết của tổ hợp “động – tân” V+N chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt nhất định giữa nhóm tổ hợp (a1) với các nhóm tổ hợp từ (a2) đến (a6).

Nhóm tổ hợp (a1) do cả hai thành tố đều là đơn âm tiết, sau khi kết hợp với nhau tạo ra một đơn vị song âm tiết, vừa vặn với bước âm tự nhiên cơ bản, nhỏ nhất trong tiếng Hán, tức ở đây không có chiều của bước âm, chính vì thế nhóm tổ hợp (a1) mặc dù có thuộc tính của một cụm vị từ với kết cấu “động – tân” nhưng lại có độ liên kết khá chặt. Trong số các tổ hợp thuộc nhóm (a1) này đã có không ít trở thành một từ ghép và được ghi lại trong từ điển. Cấu trúc ngưng kết cũng đồng nghĩa với việc có thể sẽ làm mờ ý nghĩa của các thành tố tạo nên tổ hợp. Chính đặc điểm này của nhóm tổ hợp (a1) mà nó được các nhà ngữ pháp học tiếng Hán gọi với những cái tên khác nhau “từ li hợp”, “từ cú pháp”, “từ từ tổ”... Ví dụ trợ từ động thái 了/着/过 khi xuất hiện sẽ được đặt chen giữa các thành tố, dạng lặp của các động từ này thường là AAB chứ không phải là AABB như các động từ song âm tiết khác...

Nhóm tổ hợp (a2) và (a3) do động từ đơn âm tiết kết hợp với danh từ song âm tiết hoặc danh từ ba âm tiết tạo ra một tổ hợp gồm 3 hoặc 4 âm tiết. Theo cách phân loại về bước âm của Feng Shengli thì các tổ hợp này đều thuộc tổ hợp bước âm nghịch chiều “x/xx” hoặc “x/xxx” nên chúng đều mang tính chất của một cụm từ. Hay nói cách khác, độ ngưng kết giữa các thành tố động từ và danh từ trong các tổ hợp trên khá lỏng lẻo. Thực tế chúng tôi thấy rất hiếm có các tổ hợp thuộc nhóm (a2) hay (a3) được ghi lại trong từ điển với tư cách là một từ ghép. Quan sát những từ ghép có dạng cấu trúc ngữ âm “x/xx” mà chúng tôi thống kê được thì chúng đều có một đặc điểm chung khá đặc biệt đó là âm tiết thứ hai

của danh từ tân ngữ đều là các thanh nhẹ, tức chúng đều không phải là các danh từ song âm tiết điển hình. Ví dụ: 爱面子/拔罐子/摆架子/摆摊子/摆样子/坐月子.

Nhóm tổ hợp (a4) có âm tiết thứ hai của động từ là thanh nhẹ, tạo ra một nhịp nghỉ đệm giữa động từ và tân ngữ, vì vậy tổ hợp không có sự ngưng kết chặt chẽ. Trên thực tế chúng tôi không tìm được các tổ hợp từ ghép “động - tân” có cấu trúc âm tiết “2+1” được ghi trong từ điển.

Nhóm tổ hợp (a5) và (a6) do động từ song âm tiết kết hợp với danh từ song âm hoặc ba âm tiết tạo ra một tổ hợp gồm 4 hoặc 5 âm tiết với hai bước âm hoặc đều là bước âm cơ bản tối thiểu “xx/xx” hoặc một bước âm cơ bản với một siêu bước âm “xx/xxx”. Với hai bước âm độc lập như vậy, cả tổ hợp chỉ có thể là một cụm từ. Điều này một lần nữa được chúng minh khi trong tổ hợp có các âm tiết mang thanh 3 đi liền nhau thì sự biến thanh thường chỉ xảy ra trong phạm vi một bước âm, tức một từ độc lập mà ít khi xảy ra giữa các bước âm (các từ) khác nhau. Ví dụ: 选举厂长 (xuǎnjǔ/chǎngzhǎng), hoặc描写总统府 (miáoxiě/zǒngtǒngfǔ).

Xét về chức năng ngữ pháp thì tổ hợp “động - tân” V+N là một tổ hợp mang tính vị từ, tức trùng với chức năng của thành tố động từ cấu tạo trong tổ hợp. Cả tổ hợp thường xuất hiện trong các thành phần vị ngữ của câu. Ví dụ:

(1) 我几乎要站起来出去开门。

(2) 第二天上午我们游完了前山, 下午四点钟以后我们一共五个人走出寺院, 到街上买酒精。

(3) 今天下午, 爸爸妈妈带我到桐乡去看展销会。

Do các tổ hợp này đều có cấu trúc nội tại là “động - tân” nên khả năng mang tiếp tân

ngữ khác là rất khó khăn. Khi các tổ hợp này cần đề cập đến một thành tố nghĩa liên quan thì thông thường thành tố nghĩa đó phải được một giới từ dẫn ra và chiếm giữ vị trí trạng ngữ. Ví dụ:

(4) 一见到老人小李就鞠躬向他拜年。

(5) 我被诈骗了, 已经向法院起诉了, 还能向公安局报案吗?

Chỉ trừ các trường hợp mà trong đó động từ thuộc loại ba ngữ trị (tức động từ có thể mang hai tân ngữ) thì sau tổ hợp V+N mới có thêm một tân ngữ khác. Ví dụ:

(6) 小王送妹妹一本书。

Tuy nhiên, trong tư liệu của chúng tôi có một số ít tổ hợp “động - tân” V+N ngưng kết thành một từ và vẫn có thể trực tiếp mang tân ngữ. Đây là hiện tượng cập vật hoá của một số động từ bất cập vật trong tiếng Hán. Hiện tượng này có chịu tác động nhất định của nhân tố tiết kiệm trong ngôn ngữ và “thường kèm theo những điều kiện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng khá ngặt nghèo” [朱军、盛新华, 2008]. Ví dụ:

(7) 解放军如何登陆台湾?

(8) 朋友入股我们已经运营的公司, 如何计算股份?

Tổ hợp “động - tân” V+N này cũng có thể làm các thành phần khác trong câu, ví dụ có thể làm định ngữ tu sức cho danh từ trung tâm. Khi đó giữa tổ hợp V+N và trung tâm ngữ thường phải có trợ từ kết cấu “的”, điều đó cho thấy tính chất vị từ của tổ hợp là rất rõ rệt. Ví dụ:

(9) 我给她们拉帷幔的时候, 我看见了她们的泪痕, ……

(10) 这时听见开门的声音, 毛泽东的夫人贺子珍掀起门帘让我进去。

Một số tổ hợp “động - tân” V+N song âm tiết (nhóm a1) khi làm định ngữ có thể trực

tiếp tu sức cho danh từ trung tâm mà không cần trợ từ kết cấu “的”. Khi đó cả tổ hợp đã ngưng kết thành một từ, và tính chất vị từ của cả tổ hợp cũng giảm đi rõ rệt, thậm chí có thể đã chuyển sang thuộc tính của từ loại khác như khu biệt từ. Ví dụ:

(11) 开花馒头, 取其寓意, 芝麻开花节节高, 意味着一个锦绣的前程。

(12) 吃饭表情、搞笑表情、人物表情等可QQ下载。

(13) 2013年上海写字楼租赁市场平稳收关, 2014年走势有待观望

Tổ hợp “động - tân” V+N khi ngưng kết thành một từ có thể có những thay đổi lớn về chức năng ngữ pháp của chúng, tức chúng không còn mang tính động từ, mà là một tiểu loại khác của vị từ - tính từ. Ví dụ: 出名/丢脸/开心/有道理/有钱/讲卫生/讲礼貌。

Như vậy tổ hợp “động - tân” V+N có thể là một tổ hợp song âm tiết hoặc lớn hơn hai âm tiết. Trong đó khi động từ là các từ đơn âm tiết thì chúng có thể mang các danh từ tân ngữ là đơn âm tiết hoặc đa âm tiết. Nếu động từ là song âm tiết thì danh từ tân ngữ mà chúng mang theo thường là song âm tiết trở lên, trường hợp tân ngữ đơn âm tiết rất hiếm và thường có các điều kiện kèm theo như âm tiết thứ hai của động từ thường là thanh nhẹ, hoặc tân ngữ thường là đại từ. Các tổ hợp “động - tân” V+N này đều có thuộc tính của vị từ, tức có thể làm vị ngữ chính trong câu hoặc khi làm thành phần định ngữ thường phải xuất hiện trợ từ kết cấu “的”. Chỉ một số ít các tổ hợp “động - tân” song âm tiết có thể trực tiếp tu sức cho danh từ trung tâm, điều đó cũng có nghĩa thuộc tính vị từ của tổ hợp đã giảm xuống, tổ hợp khi đó có thể mang thuộc tính của một khu biệt từ nhằm phân loại sở chỉ của danh từ trung tâm, liên kết chặt chẽ

với danh từ trung tâm tạo ra một khái niệm có phạm vi sở chỉ được thu hẹp hơn so với sở chỉ của danh từ trung tâm.

3. Tổ hợp V+N có cấu trúc “định - trung”

Quan sát các ngữ liệu sau:

(b1) 爱人/按酒/把柄/把手/败局/败仗/帮手/绑匪/煲饭/包皮/保人/报表/报单/报馆/报人/读音/读物/跑鞋/躺椅/飞船/飞鸟/来宾/烫发

(b2) 活地图/死老鼠

(b3) 报春花/报话机/写字台/复写纸/还原剂/混合面儿/计算尺/纪录片/检察官/保护伞/红烧肉

(b4) 报复主义/报告文学/还原染料/环绕速度/积累基金/加速运动/分配手段

Xét từ góc độ ngữ âm, theo kết quả khảo sát của chúng tôi, tổ hợp định - trung V+N chỉ có các kết hợp âm tiết “1+1”, “1+2”, “2+1”, “2+2”, trong đó các tổ hợp có cấu trúc âm tiết “1+2” rất ít. Với ngữ liệu chúng tôi có được chỉ tìm thấy một vài ví dụ (nhóm tổ hợp b2) mà động từ trong đó chủ yếu là các động từ trạng thái như “活” hoặc “死”. Cũng có một số ít ví dụ khác nhưng không đơn thuần là cấu trúc “định - trung” mà kèm hai cấu trúc, chúng tôi sẽ trình bày ở phần dưới. Nhóm tổ hợp (b2) này cũng có xu hướng từ hoá, tức cả tổ hợp ngưng kết như một từ, biểu thị một khái niệm, một sự vật. Nhóm tổ hợp (b1) có cấu trúc âm tiết “1+1” tạo ra một bước âm cơ bản, hơn nữa lại là kết cấu hướng tâm do vậy cũng ngưng kết thành từ ghép. Hầu hết các ví dụ trong nhóm tổ hợp này chúng tôi đều tìm được trong từ điển Hán ngữ hiện đại phiên bản số 5 (《现代汉语 词典》第五版). Nhóm tổ hợp (b3) có cấu trúc âm tiết “2+1” tạo ra một siêu bước âm thuận chiều, và theo Feng Shengli thì bước âm thuận chiều sẽ có xu hướng tạo từ, vì vậy tổ hợp nhóm (b3) có độ ngưng kết

khá cao, gần với từ hơn là ngữ. Nhóm tổ hợp (b4) có cấu tạo âm tiết là “2+2”, tức bao gồm hai bước âm cơ bản, vì thế cũng có thể coi là một tổ hợp ngữ, độ ngưng kết của tổ hợp này không cao, song do là một kết cấu hướng tâm nên cũng không hoàn toàn tự do như các tổ hợp từ khác. Thành tố động từ định ngữ không còn mang tính vị từ đơn thuần, chúng cũng có xu hướng chuyên hoá thành thành tố mang thuộc tính của một khu biệt từ.

Xét về chức năng ngữ pháp, tổ hợp “định - trung” V+N thuộc đơn vị mang tính thể từ, tức có thể làm chủ ngữ, tân ngữ trong câu hoặc có thể kết hợp với số lượng từ. Ví dụ:

(14) 敬祝酒会随后在HBS演播大厅召开。

(15) 我吃混合面儿。

(16) 他是一个活地图，城里任何一个角落都能找到。

Tổ hợp “định - trung” V+N cũng có thể làm định ngữ, tu sức cho danh từ trung tâm. Giữa danh từ trung tâm và định ngữ là kiểu tổ hợp này có hay không có trợ từ kết cấu “的” phụ thuộc vào quan hệ ngữ nghĩa giữa định ngữ và trung tâm ngữ. Nếu định ngữ nhấn mạnh sự sở thuộc hoặc nội dung của danh từ trung tâm thì thông thường có trợ từ kết cấu “的”, ví dụ: 加油站的站长/理发店的门面; nếu là định ngữ dùng để phân loại sở chỉ của danh từ trung tâm, hoặc định ngữ biểu thị sở thuộc nhưng lại có quan hệ mật thiết với trung tâm ngữ, hoặc định ngữ cho danh từ phương vị thì thường không mang trợ từ kết cấu “的”. Ví dụ: 烫发发型/赛马场周围. Từ góc độ khác có thể thấy, sự ẩn hiện của trợ từ kết cấu “的” sẽ làm thay đổi một phần sắc thái quan hệ ngữ nghĩa giữa động từ định ngữ và danh từ trung tâm.

Như vậy cũng giống như tổ hợp có cấu trúc “động - tân”, tổ hợp “định - trung” V+N

có thể là một tổ hợp song âm tiết hoặc lớn hơn hai âm tiết. Trong đó khi động từ là các từ đơn âm tiết thì thường chỉ làm định ngữ cho các danh từ đơn âm tiết. Rất hiếm khi có các động từ đơn âm tiết kết hợp với danh từ song âm tiết trở lên để tạo ra tổ hợp có cấu trúc “định - trung”. Nếu động từ là các từ song âm tiết thì chúng có thể cùng với các danh từ đơn âm tiết hoặc đa âm tiết tạo ra tổ hợp có cấu trúc “định - trung”. Các tổ hợp “định - trung” V+N này đều có thuộc tính của thể từ, tức có thể làm chủ ngữ, tân ngữ trong câu hoặc có thể kết hợp với số lượng từ. Khi tổ hợp này làm định ngữ cho các danh từ trung tâm khác thì sự ẩn hiện của trợ từ kết cấu “的” phụ thuộc vào vai trò ý nghĩa mà tổ hợp V+N tu sức cho danh từ trung tâm đó. Nếu trợ từ kết cấu “的” không xuất hiện mà danh từ trung tâm không phải là các phương vị từ thì thuộc tính thể từ của tổ hợp đã giảm xuống, tổ hợp khi đó có thể mang thuộc tính của một khu biệt từ nhằm phân loại sở chỉ của danh từ trung tâm, liên kết chặt chẽ với danh từ trung tâm tạo ra một khái niệm có phạm vi sở chỉ được thu hẹp hơn so với sở chỉ của danh từ.

4. Tổ hợp V+N hai cấu trúc “động - tân” và “định - trung”

Hiện tượng đa cấu trúc của một tổ hợp thực từ trong tiếng Hán tồn tại khá phổ biến khi thiếu vắng các dấu hiệu hình thức. Tổ hợp V+N cũng có thể là một tổ hợp thuộc loại này với hai cấu trúc “động - tân” và cấu trúc “định - trung”. Ví dụ:

(c1) 帮工/绑腿/包饭/包工/吃水/

(c2) 烤红薯/炆黄瓜/烤鸡翅/炸鱼段/炸酱面/

(c3) 分析材料/进口汽车/保护动物/出租汽车

(c4) 炆拌鱼腥草

Theo khảo sát của chúng tôi, các tổ hợp V+N mang hai cấu trúc chủ yếu ở các trường hợp có cấu trúc âm tiết “1+1” (nhóm tổ hợp c1) (tức tổ hợp có bước âm không chiều) hoặc “2+2” (nhóm tổ hợp c3) (tức tổ hợp có hai bước âm lưỡng chiều). Như trên chúng tôi đã trình bày về lí thuyết âm luật từ của Feng Shengli, theo đó tổ hợp có bước âm thuận chiều thường tạo từ, tổ hợp có bước âm nghịch chiều thường tạo ngữ. Vậy từ đó có thể suy luận ra rằng, bước âm không chiều hoặc bước âm lưỡng chiều vừa có thể tạo ra từ, lại cũng có thể tạo ra ngữ. Khi tạo ra ngữ thì tổ hợp V+N thường có cấu trúc li tâm, tức có cấu trúc “động - tân”, khi tạo ra từ thì tổ hợp V+N thường có cấu trúc hướng tâm, tức có cấu trúc “định - trung”. Theo khảo sát của chúng tôi, giữa hai nhóm (c1) và (c3) cũng có sự khác biệt nhất định về số lượng. Do số âm tiết của nhóm (c1) là hai âm tiết, tức một bước âm cơ bản, vậy nên nhóm (c1) có xu hướng ngưng kết thành một từ. Cấu trúc của từ lại thường ổn định nên tổ hợp V+N có cấu trúc âm tiết “1+1” thường là tổ hợp đơn cấu trúc, tức hoặc là cấu trúc “động - tân”, hoặc cấu trúc “định - trung”. Còn tổ hợp (c3) có bốn âm tiết được tạo bởi hai bước âm cơ bản, do vậy chúng thường là tổ hợp ngữ, cấu trúc của nó khá lỏng lẻo và dễ mang tính đa cấu trúc. Vì thế mà số lượng tổ hợp hai cấu trúc (c1) ít hơn số lượng tổ hợp hai cấu trúc (c3). Các tổ hợp V+N hai cấu trúc có cấu trúc âm tiết “1+2” (nhóm tổ hợp c2) hoặc “2+3” (nhóm tổ hợp c4) có số lượng rất ít. Sở dĩ có hiện tượng này là vì tổ hợp thuộc nhóm (c2) có bước âm nghịch chiều và tổ hợp nhóm (c4) gồm hai bước âm độc lập nên chúng thường là các tổ hợp ngữ, mà các tổ hợp ngữ của cấu trúc V+N trong tiếng Hán thường là tổ hợp ưu tiên cho cấu trúc “động - tân”. Ngoài ra, quan

sát những ví dụ trong nhóm (c2) và (c4) chúng tôi nhận thấy ở đây chủ yếu là các tổ hợp trong trường nghĩa ẩm thực. Theo chúng tôi có thể là do các động từ nấu nướng trong tiếng Hán chủ yếu là động từ đơn âm tiết, khi tên món ăn được đặt theo cách nấu nướng sẽ có cấu trúc như cấu trúc của nhóm tổ hợp (c2). Nhóm tổ hợp (c4) tuy có xuất hiện nhưng số lượng cũng rất hạn chế.

Xét về mặt chức năng ngữ pháp của tổ hợp hai cấu trúc V+N cũng dễ dàng thấy được, nếu tổ hợp có dạng cấu trúc “động - tân” thì chức năng ngữ pháp của nó như một vị từ, tức tương tự với tổ hợp nhóm (a), mức độ ngưng kết của nó khá lỏng, giống như một ngữ hoặc một từ li hợp; Nếu tổ hợp có dạng cấu trúc “định - trung” thì mức độ ngưng kết của chúng lúc này khá chặt, chức năng ngữ pháp của nó như một thể từ, tức tương tự với tổ hợp nhóm (b) đã trình bày ở trên.

Như vậy xét về mặt cấu trúc, tổ hợp V+N trong tiếng Hán được chia làm ba nhóm: (a) Nhóm có cấu trúc “động - tân”, đây cũng là cấu trúc ưu tiên của tổ hợp này. Khi đó tổ hợp mang tính chất và chức năng ngữ pháp như một vị từ. Động từ và danh từ trong tổ hợp nhìn chung vẫn giữ nguyên thuộc tính của mình; (b) Nhóm có cấu trúc “định - trung”, so với cấu trúc “động - tân”, là cấu trúc phái sinh của tổ hợp, khi đó danh từ trong tổ hợp vẫn giữ nguyên thuộc tính, còn thuộc tính vị từ của thành tố động từ trong tổ hợp đã nhoe đi, chỉ còn có tác dụng như một khu biệt từ, hạn chế sở chỉ của danh từ. Cả tổ hợp có chức năng ngữ pháp như một thể từ; (c) Nhóm có dạng hai cấu trúc, vừa có thể là “động - tân”, tức giống định dạng nhóm (a), vừa có thể là “định - trung”, tức giống định dạng nhóm (b). Nhóm này có số lượng không nhiều, nó sẽ được triệt tiêu tính đa cấu trúc khi đưa vào sử

dụng trong ngữ cảnh cụ thể. Khi xét về mặt cấu trúc của tổ hợp V+N chúng tôi nhận thấy, yếu tố ngữ âm, trong đó chủ yếu là cấu trúc âm tiết, tức chiều của bước âm trong tổ hợp có ảnh hưởng trực tiếp đến cấu tạo và độ ngưng kết của cả tổ hợp.

5. Đối chiếu đặc điểm ngữ pháp tổ hợp V+N trong tiếng Hán với tiếng Việt

Tổ hợp V+N trong tiếng Việt cũng thường có cấu trúc ưu tiên là cấu trúc “động - tân”, điều này giống với tiếng Hán. Ví dụ:

(d1) ăn cơm/ đọc sách/ vẽ tranh/ học luật/ bơi ếch/ đi mây về gió/ ăn thùng uống vại/ đi khách/ đi chợ/ nói mồm/ chạy xe/ chạy chợ/ viết tay/ đá bóng/ học nhóm/ học vẹt

(d2) ăn mì tôm/ đọc truyện tranh/ vẽ chữ nghĩa/ nói tiếng Việt/ học buổi chiều/ học nước ngoài/ đi Tây Thiên/

(d3) vẽ tranh sơn mài/ đi chân chữ bát/ học tiếng nước ngoài/ đi giày thể thao

(d4) giúp đỡ bạn/ cá cược tiền/ nghiên cứu thuốc/ xây dựng trường

(d5) hỏi han bạn bè/ nghiên cứu ngữ pháp/ di chuyển chỗ ở/ sản xuất hàng hoá/ ăn mày cửa phật

(d6) giúp đỡ người tàn tật/ chuyển giao công nghệ cao/ nhập khẩu hàng mỹ phẩm

Xét về góc độ ngữ âm, trong tiếng Việt các động từ đơn âm tiết hoặc song âm tiết đều có thể kết hợp với các danh từ đơn âm tiết, song âm tiết hoặc từ ba âm tiết trở lên. Trong đó khả năng kết hợp của động từ đơn âm tiết có phần tự do hơn. Ví dụ trong số các nhóm tổ hợp từ (d1) đến (d6) nêu trên, nhóm tổ hợp (d4) với cấu trúc âm tiết “2+1” không được thực hiện hoá nhiều trong tiếng Việt so với các nhóm tổ hợp còn lại. Hiện tượng này trùng

hợp với tiếng Hán khi động từ song âm tiết cũng hiếm khi trực tiếp kết hợp với danh từ tân ngữ đơn âm tiết.

Xét về mặt số lượng, tổ hợp “động - tân” V+N trong tiếng Việt có số lượng nhiều hơn tiếng Hán do các thành phần đứng sau động từ làm tân ngữ trong tiếng Việt ngoài kết tố bắt buộc còn có thể là các kết tố tự do biểu thị nguyên nhân, địa điểm, phương thức... Điều này chúng tôi sẽ thảo luận sâu khi có điều kiện bàn về đặc điểm ngữ nghĩa của tổ hợp V+N.

Xét về chức năng ngữ pháp, các nhà ngữ pháp học Việt Nam (Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hữu Quỳnh,...) đều nhất trí cho rằng tổ hợp “động - tân” V+N trong tiếng Việt đều mang thuộc tính của một vị từ, tức thường làm vị ngữ chính của câu. Điều này tương tự như tổ hợp có cấu trúc động - tân V+N trong tiếng Hán, Ví dụ:

(17) Chủ khách bèn vào buồng **ăn cơm**.

(18) Ai muốn nhờ vả cụ **vẽ chữ nghĩa**, đều phải có đem cành cau, hoặc gói chè,..

Cũng giống như tiếng Hán, các tổ hợp V+N nếu trong đó V là các động từ ba ngữ trị thì sau tổ hợp có thể xuất hiện một tân ngữ nữa của động từ. Ví dụ:

(19) Lĩnh thàng lương đầu tiên Hoài đã **tặng mẹ** một chiếc khăn len.

Hiện tượng cập vật hoá các tổ hợp V+N với các động từ khác trong tiếng Việt cũng rất hiếm như ở tiếng Hán vậy. Các cách nói “viết chữ bút lông, ăn cơm thìa, hạ cánh sân bay Tân Sơn Nhất...” trong tiếng Việt theo chúng tôi đều chỉ là hiện tượng tình lược giới từ trong khẩu ngữ.

Một số tổ hợp “động - tân” V+N trong tiếng Việt sau khi ngưng kết có thể chuyển hoá

thành một tính từ để miêu tả tính chất của sự vật, hiện tượng như: có trình độ/ biết việc/ hiểu lễ nghi. Điều này cũng giống với tiếng Hán. Ví dụ:

(20) Tìm được người **biết việc** sẽ tiết kiệm được thời gian.

Tổ hợp V+N trong tiếng Việt mặc dù có thuộc tính vị từ cao nhưng khi làm định ngữ, tu sức cho danh từ trung tâm thường không xuất hiện các trợ từ kết cấu. Ví dụ:

(21) công tác xây dựng trường/ người nói tiếng Việt/ cách đọc sách/ nghĩa cử giúp đỡ người tàn tật

Đây cũng là điểm khác biệt giữa tổ hợp động – tân V+N trong tiếng Việt và tiếng Hán.

Khác với tiếng Hán, cấu trúc danh ngữ trong tiếng Việt có trật tự danh từ trung tâm ngữ đứng trước, định ngữ đứng sau. Vì vậy tổ hợp V+N thuần Việt thường không có cấu trúc “định - trung”. Nói đúng hơn, cấu trúc “động - tân” là cấu trúc chiếm tuyệt đại đa số của tổ hợp V+N trong tiếng Việt. Chỉ có một bộ phận nhỏ tổ hợp V+N do chịu ảnh hưởng của tiếng Hán qua quá trình tiếp xúc ngôn ngữ (ở đây là ảnh hưởng của trật tự “định - trung” trong danh ngữ tiếng Hán) nên có cấu trúc “định - trung”. Theo khảo sát của chúng tôi, các tổ hợp V+N có cấu trúc “định – trung” đều đã ngưng kết thành từ hoặc cụm từ cố định với yếu tố cấu tạo đều là âm Hán Việt hoặc một trong số thành tố cấu tạo là âm Hán Việt. Ví dụ:

(e1) học sinh/ học phí/ học trò/ độc giả/ hoạ sĩ/ ca sĩ/ tác gia/ tác nhân/ chứng nhân/ hành trình/ trợ thủ/ thành phẩm/ thí sinh/ thích khách/ thực khách/ bại tướng/ đấu trường/ xạ thủ.

(e2) phi hành gia/ nhiếp ảnh gia/ phi hành đoàn/ khảo sát phí/ thực tập phí/ thực tập sinh/ phát thanh viên/ liên lạc viên/ điện báo viên/ chỉ huy sở.

Xét về mặt ngữ âm, các tổ hợp V+N có cấu trúc “định - trung” của tiếng Việt hoặc có cấu trúc âm tiết “1+1” hoặc có cấu trúc âm tiết “2+1” giống như phần lớn tổ hợp này trong tiếng Hán. Các tổ hợp này của tiếng Việt có độ ngưng kết cao, thường đã trở thành từ ghép hoặc một cụm từ cố định.

Xét về nguồn gốc của thành tố cấu tạo thì đại đa số các thành tố cấu tạo của tổ hợp “định – trung” V+N này đều là âm Hán Việt, chỉ một số ít thành tố là thuần Việt như “trò” là từ thuần Việt. Xét về nguồn gốc cả tổ hợp thì một bộ phận tổ hợp này mượn nguyên gốc Hán (gồm thành tố cấu tạo và trật tự từ) rồi chuyển âm Hán Việt để tạo thành từ Hán Việt (học sinh/ độc giả/ tác gia/ chứng nhân/ trợ thủ/ thành phẩm). Một bộ phận khác là mượn các yếu tố Hán và cách tạo từ của tiếng Hán để sáng tạo ra một lớp từ “tựa từ Hán Việt” (thí sinh/ phi hành gia/ phát thanh viên). Các tổ hợp này không có nguyên gốc ở tiếng Hán. Còn một bộ phận nhỏ là mượn một yếu tố Hán ghép với một yếu tố thuần Việt theo cấu trúc Hán để tạo ra một kiểu tổ hợp “bán từ Hán Việt” (học trò).

Xét về mặt chức năng ngữ pháp, tổ hợp “định – trung” V+N trong tiếng Việt đã ngưng kết như một danh từ, hoặc một cụm từ cố định mang tính danh từ nên nó mang đầy đủ chức năng ngữ pháp của danh từ. Tức tổ hợp này có thể làm chủ ngữ, tân ngữ, kết hợp được với số lượng từ. Ví dụ:

(22) **Thí sinh** đều đã có mặt đúng giờ.

(23) Chúng tôi đã chuyển **thực tập phí** cho đơn vị tiếp nhận thực tập sinh.

(24) **Có một phát thanh viên** của đài truyền hình là người miền Nam.

Tổ hợp này cũng có thể làm danh từ trung tâm trong cụm danh từ, ví dụ:

(25) Hấn hỏi tên **điện báo viên** người Bắc vừa ló đầu ra.

(26) **Học phí** của trường thu theo đúng thời gian quy định.

Tổ hợp “định – trung” V+N trong tiếng Việt cũng có thể làm định ngữ như các danh từ khác. Khi làm định ngữ giữa tổ hợp định ngữ này với danh từ trung tâm có thể có hoặc không có trợ từ kết cấu, tùy thuộc vào mức độ quan hệ ngữ nghĩa lỏng chặt của định ngữ với danh từ trung tâm. Ví dụ:

(27) Trang phục **học sinh** thường màu sáng,...

(28) Giọng của **ca sĩ** cần phải được giữ gìn trước khi lên sân khấu.

(29) Nhiệm vụ của **hoạ sĩ** là ghi lại vẻ đẹp của cuộc sống trong các tác phẩm hội hoạ của mình.

Như vậy đối chiếu tiếng Hán và tiếng Việt chúng tôi nhận thấy mặc đây là hai ngôn ngữ cùng thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập [N.V.Xtankêvich], giữa chúng có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt nhất định. Sự khác biệt rõ rệt nhất trong đặc điểm cấu trúc của tổ hợp V+N là trong tiếng Việt tổ hợp này phần lớn có cấu trúc “động - tân”, chỉ một số ít tổ hợp có nguồn gốc liên quan đến tiếng Hán thì mới có cấu trúc “định - trung”. Khi đó tổ hợp “định - trung” V+N của tiếng Việt chủ yếu là các từ ghép hoặc các cụm từ cố định. Trong tiếng Việt không có tổ hợp V+N mang cả hai cấu trúc “động – tân” và “định - trung”. Trong khi đó ở tiếng Hán, bên cạnh cấu trúc ưu tiên là cấu trúc “động - tân”, cấu trúc “định - trung” cũng khá phổ biến trong tổ hợp V+N. Ngoài ra một số tổ hợp V+N trong tiếng Hán còn mang cả hai cấu trúc trên. Sự khác biệt này

là do trong tiếng Hán trật tự trong cụm danh từ là định ngữ đứng trước danh từ trung tâm, vì thế nếu động từ trong tổ hợp V+N tu sức được cho danh từ của chính tổ hợp đó thì cả tổ hợp có dạng cấu trúc “định - trung”. Còn trong tiếng Việt muốn tạo ra một cụm danh từ thì vị trí giữa động từ và danh từ trong tổ hợp phải đảo ngược lại, vì trật tự từ trong nội bộ cụm danh từ tiếng Việt là danh từ trung tâm đứng trước định ngữ. Khi là cấu trúc “động - tân” thì tổ hợp V+N ở cả tiếng Hán và tiếng Việt đều mang tính vị từ, khi là cấu trúc “định - trung” thì chúng đều mang tính thể từ. Giữa tổ hợp “động – tân” V+N trong tiếng Việt và tổ hợp cùng loại trong tiếng Hán cũng có khác biệt tế nhị. Theo đó khi cả tổ hợp V+N làm định ngữ tu sức cho một danh từ ngoài tổ hợp thì ở tiếng Hán thường phải xuất hiện trợ từ kết cấu “的”, tính vị từ của cả tổ hợp lúc này được thể hiện khá rõ rệt. Trong khi đó ở tiếng Việt nếu tổ hợp V+N làm định ngữ thường kết hợp trực tiếp với danh từ. Tính vị từ của nó vì thế có thể bị mờ đi, trở thành một đơn vị mang tính khu biệt từ, tương tự như khi tổ hợp “động – tân” V+N ở tiếng Hán kết hợp trực tiếp với danh từ trung tâm. Ngoài những khác biệt trên thì tổ hợp V+N của tiếng Hán và tiếng Việt đều chịu ảnh hưởng nhất định của yếu tố ngữ âm, tức cấu trúc âm tiết có ảnh hưởng đến cấu trúc nội tại của tổ hợp. Tuy nhiên ở tiếng Hán ảnh hưởng này rõ rệt hơn nên tạo ra những cấu trúc khá phức tạp trong nội bộ của tổ hợp.

Có thể nói, đặc điểm ngữ pháp của tổ hợp V+N trong tiếng Hán tuy không phải là vấn đề nghiên cứu mới, song đặt nó trong mối liên hệ với đặc điểm cấu trúc âm tiết và trong sự đối chiếu với tiếng Việt để làm rõ mối quan hệ giữa bình diện ngữ âm, ngữ pháp và tìm ra sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ cùng loại hình

đơn lập, thiết nghĩ cũng có tác dụng nhất định trong nghiên cứu giảng dạy tiếng Hán và tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Cao Xuân Hạo (1998). *Tiếng Việt: mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Văn Hiệp (2009). *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Hữu Quỳnh (1994). *Tiếng Việt hiện đại (Ngữ âm, ngữ pháp, phong cách)*, Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam.
- N.V.Xtankêvich (1982). *Loại hình các ngôn ngữ (Bản dịch tiếng Việt)*. Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.

Tiếng Trung

- 冯胜利 (2005). 《汉语韵律语法研究》北京大学出版社.
- 郭锐 (2002). 《现代汉语词类研究》商务印书馆.
- 黄伯荣、廖序东 (2002). 《现代汉语》高等教育出版社.
- 张斌、齐沪扬 (2000). 《现代汉语短语》华东师范大学出版社.
- 朱军、盛新华 (2008). “‘动宾结构带宾语’格式成因探究”《汉语学习》，第3期.

Từ điển

- Trung tâm từ điển học (1997). *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- 中国社会科学院语言研究所 (2007). 《现代汉语词典》第五版, 商务出版社.

GRAMMATICAL FEATURES OF V+N PHRASES IN CHINESE (IN CONTRAST WITH VIETNAMESE)

Nguyen Hoang Anh

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University and Languages
and International Studies,*

Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The combinations of verbs and nouns (V+N phrases) in Chinese are rich in internal structures and syntactic fusion, and their grammatical functions are closely related to their syllabic structures. Through data analysis, description of internal structures, degree of fusion and functions of Chinese V+N phrases, the paper discusses the relationship between these phrases and their syllabic structures. On that basis, Chinese V+N phrases are contrasted with their Vietnamese counterparts so as to identify their differences apart from similarities between the two languages of the same isolating type.

Keywords: V+N phrases, grammatical features, Chinese-Vietnamese contrast